

Biểu mẫu 02/RS-KSTT BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH Lĩnh vực Chứng thực (13 thủ tục) (Kèm theo Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Hà Tây)	
I. THÔNG TIN CHUNG 1	
1. Tên TTHC	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc 2.000908
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo tính pháp lý của các văn bản

	b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo thuận lợi cho người dân khi bị mất hoặc thất lạc bản gốc
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng Mục tiêu của TTHC không thay đổi, nhằm kiểm soát chặt chẽ và đảm bảo quyền lợi của tổ chức cá nhân trong việc đề nghị cấp bản sao từ sổ gốc b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đối với quản lý hành chính nhà nước và người dân.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo nhu cầu của người dân
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	

Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Tên của TTHC đã được quy định rõ ràng, đầy đủ theo quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Trình tự thực hiện hợp lý + Người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc phải xuất trình các giấy tờ phục vụ cho yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc. Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ theo quy định. + UBND cấp xã căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao cho người yêu cầu; nội dung bản sao phải ghi theo đúng nội dung đã ghi trong sổ gốc. + Trong trường hợp không tìm thấy sổ gốc hoặc trong sổ gốc không có thông tin về nội dung yêu cầu cấp bản sao thì UBND cấp xã đang lưu giữ sổ gốc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu. + Người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ hoặc qua bưu điện (nếu nộp qua bưu điện).
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã lưu sổ gốc hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện, nộp hồ sơ trực tuyến.

4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ (bản sao có chứng thực hoặc bản chính) + Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân còn giá trị sử dụng. + Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho UBND cấp xã cấp bản sao. + Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ)
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. - Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi UBND cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐

	- Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - UBND cấp xã đang quản lý sổ gốc
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định.
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

	- Quy định về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☒ Không ☐ - thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước -Mức lệ phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước (ii)
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ - Các văn bản có pháp lý không quy định
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ họ tên, Giấy tờ tùy thân và nơi cư trú của người yêu cầu (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục

	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ - Phải có sổ gốc
Yêu cầu, điều kiện 1: Phải có sổ gốc	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ - Sổ gốc là căn cứ để thực hiện cấp bản sao
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	

e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

I. THÔNG TIN CHUNG 2	
1. Tên TTHC	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận 2.000815
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo tính pháp lý của các văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp

	b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện các TTHC và giao dịch
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống phục vụ nhu cầu của người dân và tổ chức.
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất phù hợp với quy định của pháp luật

2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Trình tự thực hiện hợp lý - Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. - Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì UBND cấp xã tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp UBND cấp xã không có phương tiện để chụp. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao như quy định dưới đây thì thực hiện chứng thực bản sao, như sau: - Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định; - Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của UBND cấp xã thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực. - Không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao các giấy tờ, văn bản sau:

	- Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ. - Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung. - Bản chính đóng dấu mặt của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mặt nhưng ghi rõ không được sao chụp. - Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân. - Bản chính do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định. - Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. + Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã hoặc nộp trực tuyến
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp. Bản sao, chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.

b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ)
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Ủy ban nhân dân cấp xã.
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.

7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định.
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ - Đã ghi rõ mức phí chứng thực phải nộp 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ - Mức phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Các văn bản pháp lý không quy định.
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức nộp phí phù hợp nộp trực tiếp hoặc trực tuyến

9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:

c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý::
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☐	
d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

I. THÔNG TIN CHUNG 3	
1. Tên TTHC	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) 2.000884
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo tính pháp lý của các giao dịch dân sự Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền được giao dịch, ủy quyền ..của công dân

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất theo quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Trình tự thực hiện hợp lý Người yêu cầu chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được phải xuất trình các giấy tờ phục vụ việc chứng thực chữ ký. - Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thủ lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp không được chứng thực chữ ký thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ trước mặt người thực hiện chứng thực và thực hiện chứng thực như sau: - Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định; - Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của UBND cấp xã thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với giấy tờ, văn bản có từ (02) hai trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. + Trường hợp không được chứng thực chữ ký: - Tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực chữ ký không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

	- Người yêu cầu chứng thực chữ ký xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu không còn giá trị sử dụng hoặc giả mạo. - Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân - Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác. + Đối với trường hợp chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì đề nghị người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác, nộp hồ sơ trực tuyến qua dịch vụ công.
4. Hồ sơ	

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Bản thảo, giấy tờ tùy thân Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân còn giá trị sử dụng. - Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ ký/điểm chỉ. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch)
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ).
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Thời hạn giải quyết trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ -Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - UBND cấp xã

b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã ghi rõ mức phí chứng thực chữ ký phải nộp 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ - Mức phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về mức lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định

đối với cá nhân, tổ chức không?	
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp, nộp trực tiếp hoặc trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ:

	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 2:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	

a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật ☐		
b) Pháp lệnh ☐		
c) Nghị định ☐		
d) Quyết định của TTCP ☐		
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐		

e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

I. THÔNG TIN CHUNG 4	
1. Tên TTHC	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch 2.000913
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo tính pháp lý của các hợp đồng giao dịch b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:

	Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện thuận lợi cho công dân và cơ quan tổ chức thực hiện chứng thực khi phát hiện hợp đồng trái pháp luật hoặc hợp đồng cần bổ sung
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo tính pháp lý và nhu cầu hợp pháp của cá nhân, tổ chức. b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo tính pháp lý và nhu cầu hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	

Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ -Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất đảm bảo đầy đủ theo quy định của pháp luật.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ Trình tự thực hiện hợp lý các bước thực hiện đã được quy định cụ thể, rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục: - Người yêu cầu chứng thực xuất trình giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng để người thực hiện chứng thực kiểm tra và nộp 01 bộ hồ sơ . - Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. - Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện tại UBND cấp xã đã chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể chứng thực tại bất kỳ cơ quan có thẩm quyền chứng thực nào. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực. - Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu

chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt.

- Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bố trí. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không bố trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng.

- Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

- Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thù lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. Người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang hợp đồng với tư cách là người phiên dịch.

- UBND cấp xã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã chứng thực trước đây về nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc để ghi chú vào Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.

3. Cách thức thực hiện

Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng: Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc trực tuyến qua dịch vụ công
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; - Dự thảo hợp đồng, giao dịch sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; - Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ)
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Đã ghi rõ thời gian giải quyết thủ tục Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐

	- Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - UBND cấp xã
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định.
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ - Đã ghi rõ mức phí hủy bỏ, sửa đổi bổ sung hợp đồng: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: Mức phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước

c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định.
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐

	Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐

.....	Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☐	

d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

I. THÔNG TIN CHUNG 5	
1. Tên TTHC	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch 2.000927
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a Mục tiêu a.1: Đảm bảo tính pháp lý của các hợp đồng giao dịch b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện thuận lợi cho công dân và cơ quan tổ chức thực hiện chứng thực khi phát hiện hợp đồng trái pháp luật hoặc hợp đồng cần bổ sung

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo tính pháp lý của các hợp đồng giao dịch và quyền lợi trách nhiệm của công dân, tổ chức. b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo tính pháp lý của các hợp đồng giao dịch và quyền lợi trách nhiệm của công dân, tổ chức.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo tính pháp lý của các hợp đồng giao dịch và quyền lợi trách nhiệm của công dân, tổ chức.
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Tên của TTHC đã được quy định rõ ràng, đầy đủ theo quy định của pháp luật

2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện.
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Trình tự thực hiện hợp lý - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ. - Việc sửa lỗi sai sót trong khi ghi chép, đánh máy, in hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực được thực hiện theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, nếu không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bên và được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Người thực hiện chứng thực gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa. - Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng: Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
4. Hồ sơ	

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình bản chính để đối chiếu); - Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực - Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ)
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: UBND cấp xã

b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ - Đã ghi rõ mức phí phải nộp 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: Mức lệ phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định

đối với cá nhân, tổ chức không?	
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí phù hợp nộp trực tiếp hoặc trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ:

	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý: ...
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	

a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn

câu trả lời tại Biểu mẫu này	
-------------------------------------	--

I. THÔNG TIN CHUNG 6	
1. Tên TTHC	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực 2.000942
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Đảm bảo tính pháp lý của các văn bản b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: - Tạo thuận lợi cho người dân khi bị mất hoặc thất lạc bản gốc

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng, đảm bảo tính pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước và phục vụ nhu cầu lợi ích của cá nhân và tổ chức có liên quan. b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo tính pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước và phục vụ nhu cầu lợi ích của cá nhân và tổ chức có liên quan
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo tính pháp lý trong quản lý hành chính nhà nước và phục vụ nhu cầu lợi ích của cá nhân và tổ chức có liên quan.
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất phù hợp với quy định của pháp luật

2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Trình tự thực hiện hợp lý: - Người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch phải xuất trình các giấy tờ theo quy định. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ do người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch xuất trình. - Việc cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực được thực hiện tại cơ quan lưu trữ hợp đồng, giao dịch. - Cơ quan thực hiện chứng thực tiến hành chụp từ bản chính hợp đồng, giao dịch đang được lưu trữ và thực hiện chứng thực như sau: + Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định; + Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực.
3. Cách thức thực hiện	

Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã; hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua dịch vụ công
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ Người yêu cầu chứng thực xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực, Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ)
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Trong ngày UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện là UBND cấp xã lưu trữ hợp đồng, giao dịch

b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ -Lý do: Đã ghi rõ mức phí cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: Mức phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí

d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý::
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	

a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn

câu trả lời tại Biểu mẫu này	
-------------------------------------	--

I. THÔNG TIN CHUNG 7	
1. Tên TTHC	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở 2.001035
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Quản lý có hiệu quả các tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở; b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền sở hữu và định đoạt tài sản của công dân, tổ chức

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo hoạt động quản lý có hiệu quả của nhà nước đối với các tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở; Đảm bảo quyền sở hữu và định đoạt tài sản của công dân, tổ chức. b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo hoạt động quản lý có hiệu quả của nhà nước đối với các tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở; Đảm bảo quyền sở hữu và định đoạt tài sản của công dân, tổ chức.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo hoạt động quản lý có hiệu quả của nhà nước đối với các tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở; Đảm bảo quyền sở hữu và định đoạt tài sản của công dân, tổ chức.
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	

Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Trình tự thực hiện hợp lý - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực. - Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt. - Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bố trí. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không bố trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng.

	- Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. - Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thù lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. Người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang hợp đồng với tư cách là người phiên dịch.
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà; hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua dịch vụ công.
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Dự thảo hợp đồng, giao dịch;

	- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); -Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ)
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.

7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định.
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định.
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ mức lệ phí phải nộp: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: Mức phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: ☐ Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định.

đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua dịch vụ công
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý::
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn

I. THÔNG TIN CHUNG 8	
1. Tên TTHC 2.001019.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực di chúc 2.001019
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: - Đảm bảo tính pháp lý của di chúc b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: - Đảm bảo quyền định đoạt tài sản của công dân sau khi chết
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền lợi của công dân

	b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền lợi của công dân
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền lợi của công dân
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất phù hợp với quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện.

b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - - Lý do: Trình tự thực hiện hợp lý - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực người lập di chúc tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực. - Người lập di chúc phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. - Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bố trí. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không bố trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng. - Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với di chúc có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của di chúc. Trường hợp di chúc có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. - Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thù lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. Người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của di chúc, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang di chúc với tư cách là người phiên dịch.
--	---

3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp trực tuyến qua dịch vụ công
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Dự thảo di chúc; - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ)
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ thời gian giải quyết thủ tục: 02 (hai) ngày làm việc
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ -Lý do: Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.

6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ - Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã ghi rõ mức phí phải nộp khi thực hiện chứng thực di chúc: 50.000 đồng/di chúc.
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ - Lý do: thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước

c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ - Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ:

	(i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý::
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do:

		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☐	
d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	

13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn
--	--

I. THÔNG TIN CHUNG 9	
1. Tên TTHC	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản 2.001016
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Quản lý có hiệu quả các tài sản có nguồn gốc từ tặng cho hoặc thừa kế b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền sở hữu và định đoạt tài sản của công dân
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒

	Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo công tác quản lý hành chính nhà nước, đảm bảo quyền sở hữu định đoạt tài sản của công dân. b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo công tác quản lý hành chính nhà nước, đảm bảo quyền sở hữu định đoạt tài sản của công dân.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo công tác quản lý hành chính nhà nước, đảm bảo quyền sở hữu định đoạt tài sản của công dân.
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất đảm bảo theo quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Trình tự thực hiện hợp lý - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực người từ chối nhận di sản tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực - Người từ chối nhận di sản ký trước mặt người thực hiện chứng thực. - Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bố trí. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không bố trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng. - Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với văn bản từ chối có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của văn bản từ chối nhận di sản. Trường hợp văn bản từ chối nhận di sản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. - Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thủ lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. Người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản

	từ chối nhận di sản, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang văn bản từ chối nhận di sản với tư cách là người phiên dịch
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến qua dịch vụ công
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Dự thảo văn bản từ chối nhận di sản; - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ).
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ thời hạn giải quyết: 02 (hai) ngày làm việc,

b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã ghi rõ mức phí phải nộp khi thực hiện chứng thực văn bản từ chối nhận di sản 50.000 đồng/văn bản.
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, Mức lệ phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước

c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp, nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục

	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý::
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐

.....	Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☐	
d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	

g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

I. THÔNG TIN CHUNG 10	
1. Tên TTHC	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở 2.001406
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Quản lý có hiệu quả các tài sản có nguồn gốc từ di sản thừa kế b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền sở hữu, quyền định đoạt tài sản của công dân

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo quản lý hành chính của nhà nước, đảm bảo quyền sở hữu, quyền định đoạt tài sản của công dân b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra quyền sở hữu, quyền định đoạt tài sản của công dân
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống quyền sở hữu, quyền định đoạt tài sản của công dân
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất đảm bảo theo quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Lý do: Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Trình tự thực hiện hợp lý - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia thỏa thuận phân chia di sản tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực. - Các bên tham gia thỏa thuận phân chia di sản phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. - Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bố trí. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không bố trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng. - Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với văn bản thỏa thuận có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của văn bản thỏa thuận. Trường hợp văn bản thỏa thuận có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai. - Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thủ lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. Người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản

	thỏa thuận nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang văn bản thỏa thuận với tư cách là người phiên dịch
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua dịch vụ công
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Dự thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản; - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ).
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cụ thể 02 (hai) ngày làm việc

b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: UBND cấp xã
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ mức phí phải nộp 50.000 đồng/văn bản
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ - Lý do: thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước

	- Quy định về mức phí: Có ☒ Không ☐ - Lý do: Mức lệ phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ - Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp nộp trực tiếp hoặc trực tuyến.
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐

	Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý::
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ:

.....	(i) Lý do:	
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☐	
d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	

13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn
--	--

I. THÔNG TIN CHUNG 11	
1. Tên TTHC 2.001009.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở 2.001009
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Quản lý có hiệu quả các tài sản có nguồn gốc từ thừa kế b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:

	Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	

Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất đảm bảo theo quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Trình tự thực hiện hợp lý - Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực. - Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia văn bản khai nhận di sản tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực. - Các bên tham gia khai nhận di sản phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. - Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bổ trí. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không bổ trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng. - Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với văn bản khai nhận có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của văn bản khai nhận di sản. Trường hợp văn bản khai nhận có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

	- Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thủ lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. Người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản khai nhận di sản, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang văn bản khai nhận với tư cách là người phiên dịch
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Dự thảo văn bản khai nhận di sản; - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản khai nhận di sản liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ).
5. Thời hạn giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cụ thể 02 (hai) ngày làm việc
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã
b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã ghi rõ mức phí phải nộp 50.000 đồng/văn bản

b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Quy định về mức phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: Mức lệ phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác đối với cá nhân, tổ chức không?	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Các văn bản pháp lý không quy định
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp, nộp trực tiếp hoặc trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ:

	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý::
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ:

.....	(i) Lý do:	
	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☐	

d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

I. THÔNG TIN CHUNG 12	
1. Tên TTHC 2.001009.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã 2.000992
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Quản lý có hiệu quả các tài sản có nguồn gốc từ thừa kế b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất đảm bảo theo quy định của pháp luật

2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Lý do: Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Trình tự thực hiện hợp lý + Người yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch phải xuất trình các giấy tờ phục vụ việc chứng thực chữ ký người dịch. + Người thực hiện chứng thực (hoặc người tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa) kiểm tra giấy tờ do người yêu cầu chứng thực xuất trình, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định và giấy tờ, văn bản được dịch không thuộc các trường hợp giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch thì thực hiện chứng thực như sau: * Khi thực hiện chứng thực, người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực; trường hợp nghi ngờ chữ ký trên bản dịch so với chữ ký mẫu thì yêu cầu người dịch ký trước mặt. * Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký người dịch theo mẫu quy định; * Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với bản dịch giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã
4. Hồ sơ	

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Dự thảo văn bản khai nhận di sản; - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản khai nhận di sản liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ).
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cụ thể : Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã ghi rõ mức phí phải nộp 10.000 đồng/trường hợp
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Quy định về mức phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: Mức lệ phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Các văn bản pháp lý không quy định

đối với cá nhân, tổ chức không?	
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp, nộp trực tiếp hoặc trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: Quy định rất cụ thể: Giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch: + Giấy tờ, văn bản đã bị tẩy xóa, sửa chữa; thêm, bớt nội dung không hợp lệ. + Giấy tờ, văn bản bị hư hỏng, cũ nát không xác định được nội dung. + Giấy tờ, văn bản đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được dịch. + Giấy tờ, văn bản có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. + Giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, trừ giấy hộ chiếu, thẻ căn cước, thẻ cư trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ.
Yêu cầu, điều kiện 1: Giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Rất chi tiết, rõ ràng. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

+ Giấy tờ, văn bản đã bị tẩy xóa, sửa chữa; thêm, bớt nội dung không hợp lệ.

+ Giấy tờ, văn bản bị hư hỏng, cũ nát không xác định được nội dung.

+ Giấy tờ, văn bản đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được dịch.

+ Giấy tờ, văn bản có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, trừ giấy hộ chiếu, thẻ căn cước, thẻ cư trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng

điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ.	
Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	

d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

I. THÔNG TIN CHUNG 13	
1. Tên TTHC 2.001009.000.00.00.H23	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã 2.001008
2. Lĩnh vực	Chứng thực
3. Văn bản quy định về TTHC	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025;</i> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Quản lý có hiệu quả các tài sản có nguồn gốc từ thừa kế b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:

	Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu đã cụ thể, rõ ràng đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã đáp ứng mục tiêu đề ra đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi: - Mục tiêu của TTHC thay đổi? - Mục tiêu của TTHC không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☒ Lý do: Thủ tục thiết thực gắn liền với cuộc sống đảm bảo quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp của công dân
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Biện pháp được lựa chọn không dẫn tới sự thay đổi đối với thủ tục hành chính.
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên TTHC	

Có được quy định rõ ràng, thống nhất không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Tên thủ tục rõ ràng và thống nhất đảm bảo theo quy định của pháp luật
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Trình tự thực hiện hợp lý + Người yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch phải xuất trình các giấy tờ phục vụ việc chứng thực chữ ký người dịch. + Người thực hiện chứng thực (hoặc người tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa) kiểm tra giấy tờ do người yêu cầu chứng thực xuất trình, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định và giấy tờ, văn bản được dịch không thuộc các trường hợp giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch thì yêu cầu người dịch ký trước mặt và thực hiện chứng thực như sau: * Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký người dịch theo mẫu quy định; * Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với bản dịch giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.
3. Cách thức thực hiện	
Cách thức có được quy định đầy đủ, rõ ràng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức được quy định đầy đủ, rõ ràng Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến
4. Hồ sơ	

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng về thành phần không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã quy định rõ về thành phần hồ sơ - Dự thảo văn bản khai nhận di sản; - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản khai nhận di sản liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).
b) Có được quy định rõ ràng về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Thủ tục đã nêu rõ số lượng hồ sơ phải nộp (1 bộ).
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã quy định cụ thể Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.
b) Có thể rút ngắn thời hạn không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Rút ngắn được thời gian thủ tục nếu các phần mềm phục vụ cho công việc của công chức chuyên môn duy trì trạng thái hoạt động tốt.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Đã ghi rõ tên cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

b) Có thể tiếp tục ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Lý do: Các văn bản pháp lý không quy định về ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện.
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ - Các văn bản pháp lý không quy định
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Đã ghi rõ mức phí phải nộp 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Quy định về mức phí: Có ☒ Không ☐ Lý do: Mức lệ phí phù hợp với thực tế, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Quy định về lệ phí: Có ☐ Không ☐ Không quy định về lệ phí
d) TTHC này có quy định về các chi phí khác	- Quy định về các chi phí khác: Có ☐ Không ☒ Các văn bản pháp lý không quy định

đối với cá nhân, tổ chức không?	
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ - Lý do: Cách thức nộp phí và lệ phí phù hợp, nộp trực tiếp hoặc trực tuyến
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☒ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1:	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người yêu cầu Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin có liên quan đến thủ tục Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã yêu cầu ghi rõ thủ tục gì, làm cho ai, ngày tháng năm sinh..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ * Phòng Tư pháp chỉ chứng thực chữ ký người dịch không phải là cộng tác viên khi người đó tự dịch giấy tờ, văn bản của mình. * Giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch: + Giấy tờ, văn bản đã bị tẩy xóa, sửa chữa; thêm, bớt nội dung không hợp lệ. + Giấy tờ, văn bản bị hư hỏng, cũ nát không xác định được nội dung. + Giấy tờ, văn bản đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được dịch. + Giấy tờ, văn bản có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. + Giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, trừ giấy hộ chiếu, thẻ căn cước, thẻ thường trú, thẻ cư trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ.
Yêu cầu, điều kiện 1: Phòng Tư pháp chỉ chứng thực chữ ký người dịch không phải là cộng tác viên	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã quy định điều kiện cụ thể. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

khi người đó tự dịch giấy tờ, văn bản của mình	
Yêu cầu, điều kiện 2: Giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký người dịch: + Giấy tờ, văn bản đã bị tẩy xóa, sửa chữa; thêm, bớt nội dung không hợp lệ. + Giấy tờ, văn bản bị hư hỏng, cũ nát không xác định được nội dung. + Giấy tờ, văn bản đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được dịch. + Giấy tờ, văn bản có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. + Giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: Đã quy định cụ thể. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, trừ giấy hộ chiếu, thẻ căn cước, thẻ thường trú, thẻ cư trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ.	
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Có ☒ Không ☐ Đề nghị nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật	☐
b) Pháp lệnh	☐
c) Nghị định	☐

d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	
13. Thông tin liên hệ để làm rõ nội dung các câu trả lời tại Biểu mẫu này	Họ và tên người điền: Phạm Thị Loan Di động: 0364751399 Email: phamthiloan1978@haiphong.gov.vn	

